

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chế tạo biến thể và Vật liệu điện Hà Nội

Ngày 31/12/2025	25,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.2%	-	-

DT thuần Q4/25	250	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 245 4922%		
YoY: ▼134 -35.0%		

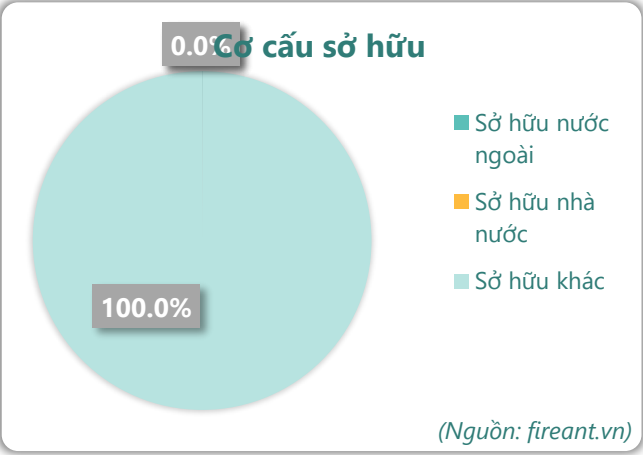
LN thuần Q4/25	193	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 180 1350%		
YoY: ▼79.0 -29.1%		

LN sau thuế Q4/25	154	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 143 1329%		
YoY: ▼64.0 -29.2%		

Tỷ suất lãi EBIT 2025	86.5%
YoY: +/-▲ 37.7%	

ROE 2025	26.1%
YoY: +/-▼ 90.2%	

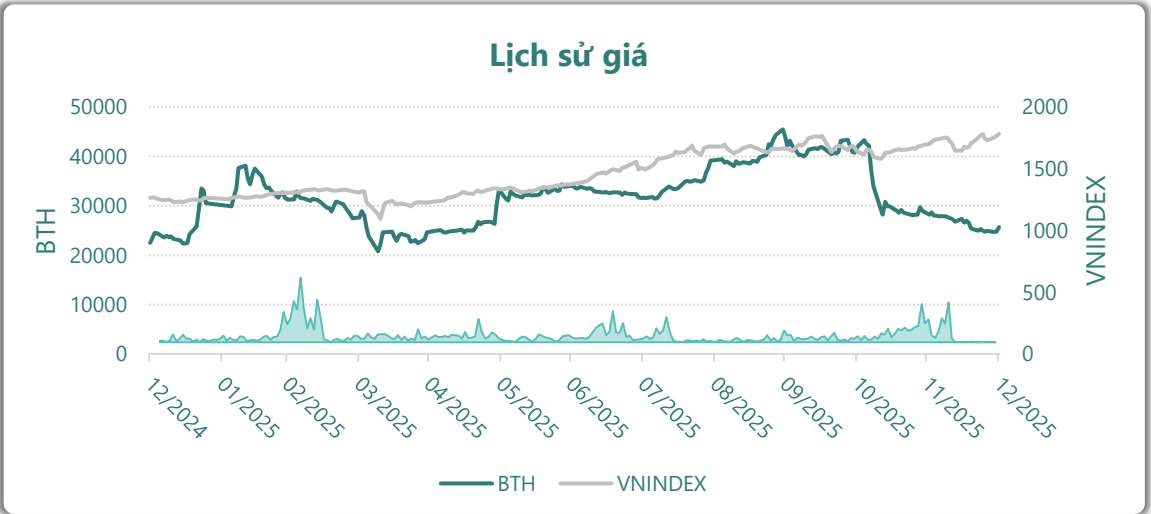
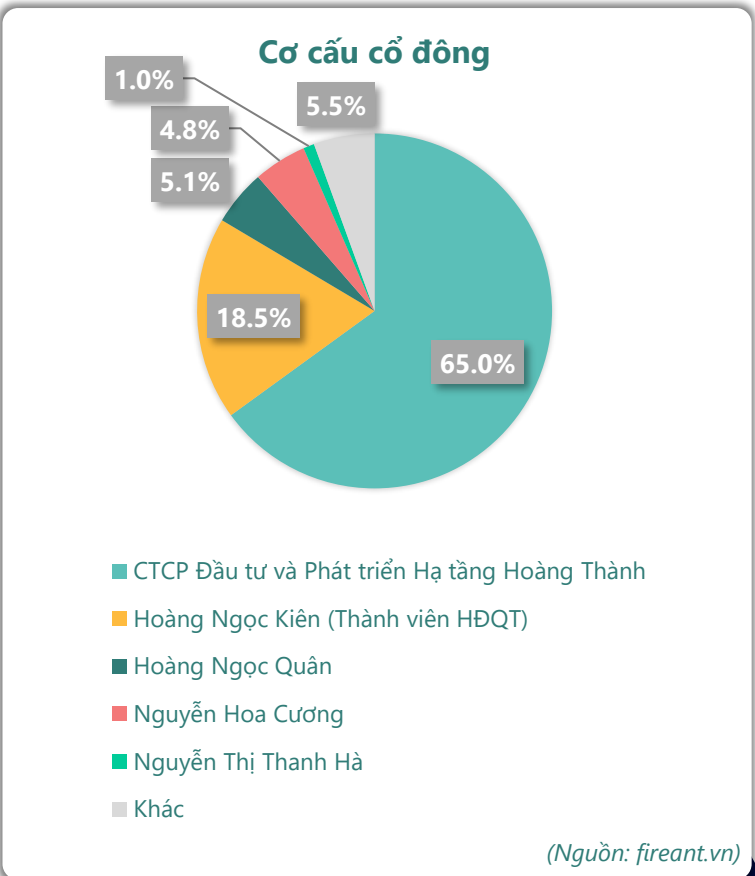
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	20,796 - 45,499
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	643
Số lượng CPLH (CP)	25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,070
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.29
EPS	7,442
P/E	3.5



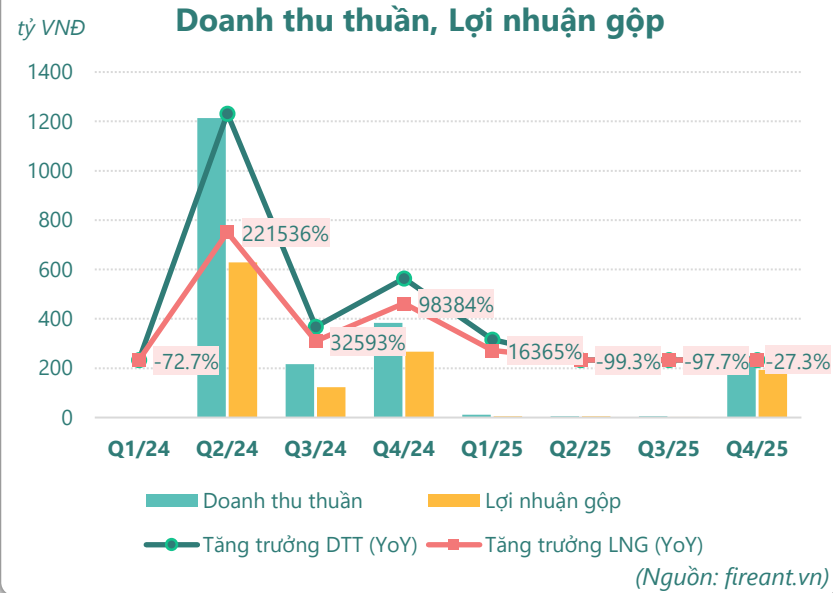
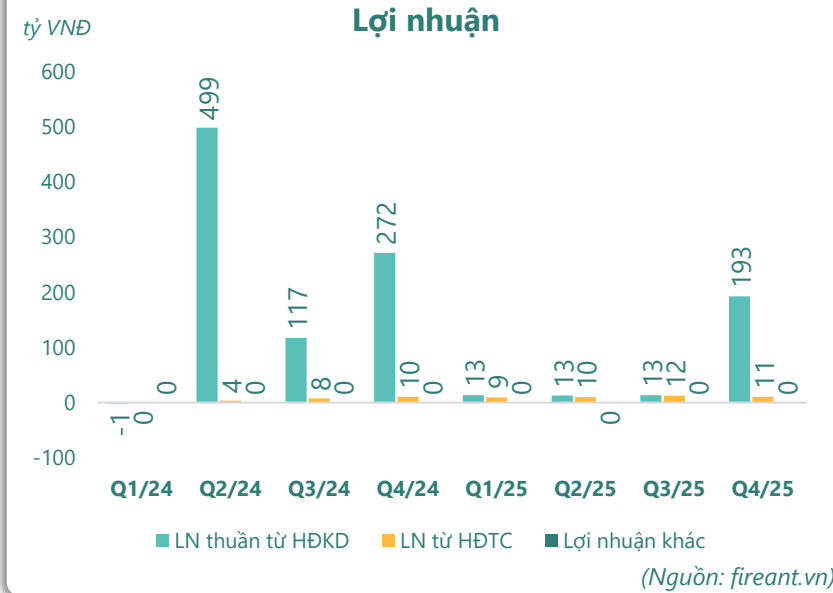
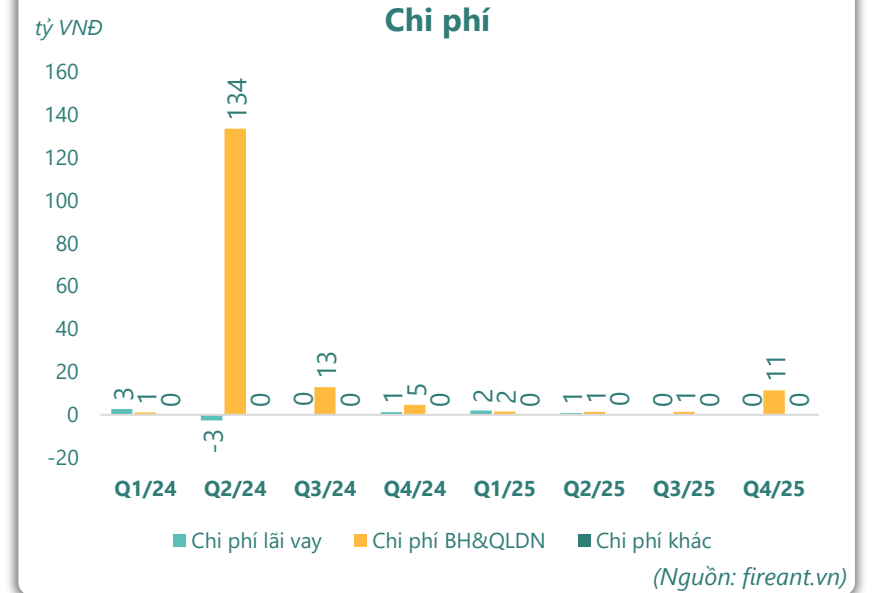
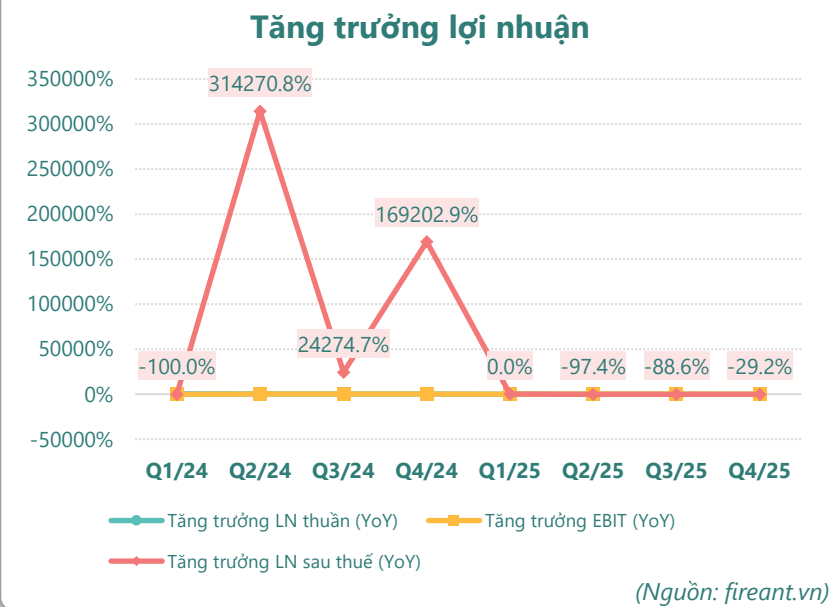
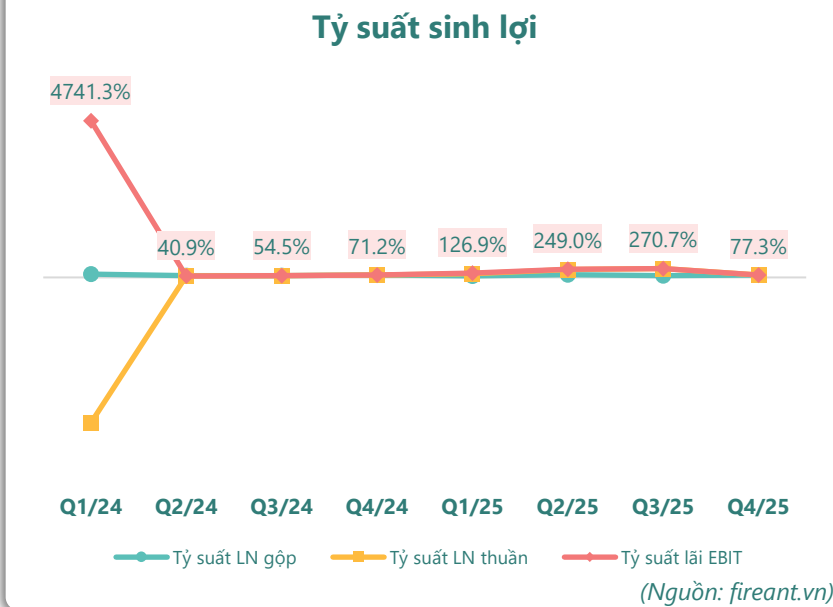
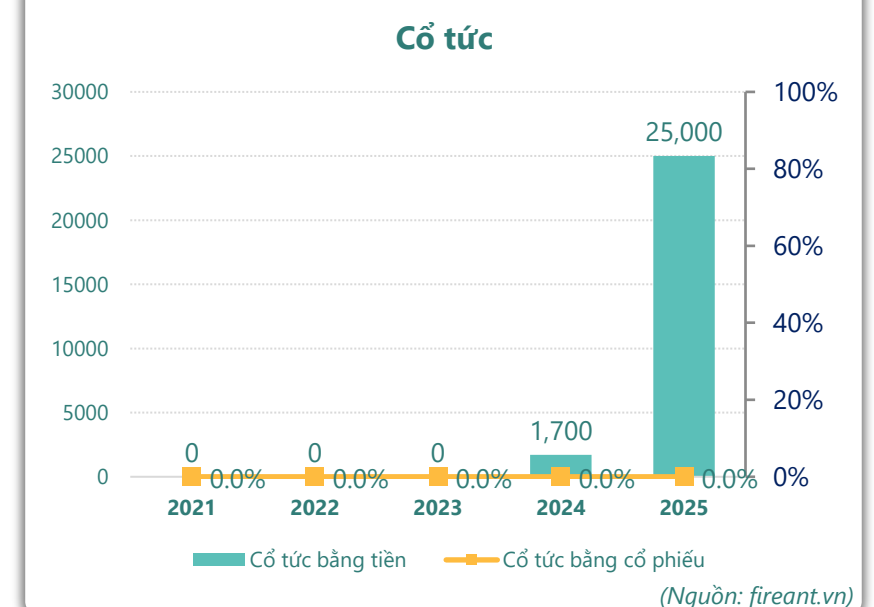
DT thuần 2025	272	tỷ VNĐ
YoY: ▼1,543 -85.0%		

LN thuần 2025	233	tỷ VNĐ
YoY: ▼651 -73.7%		

LN sau thuế 2025	186	tỷ VNĐ
YoY: ▼522 -73.7%		



KẾT QUẢ KINH DOANH



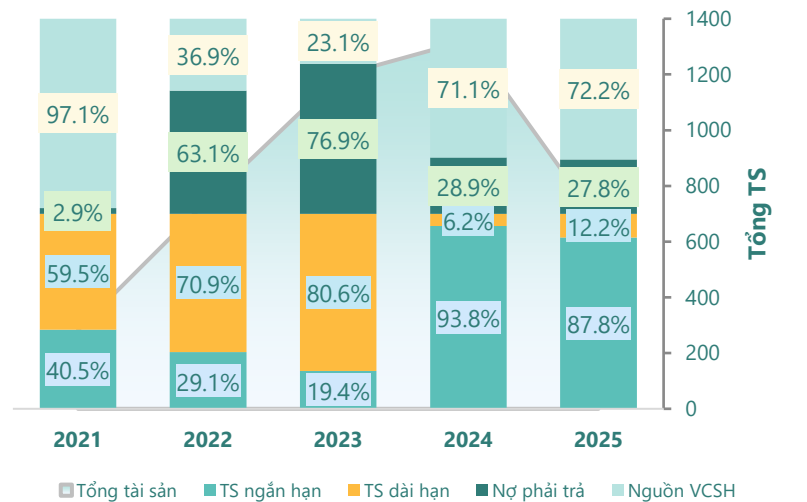


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

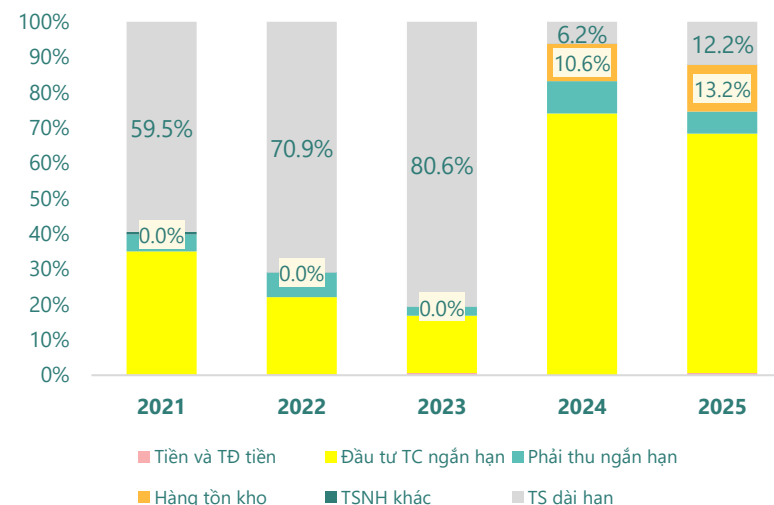
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

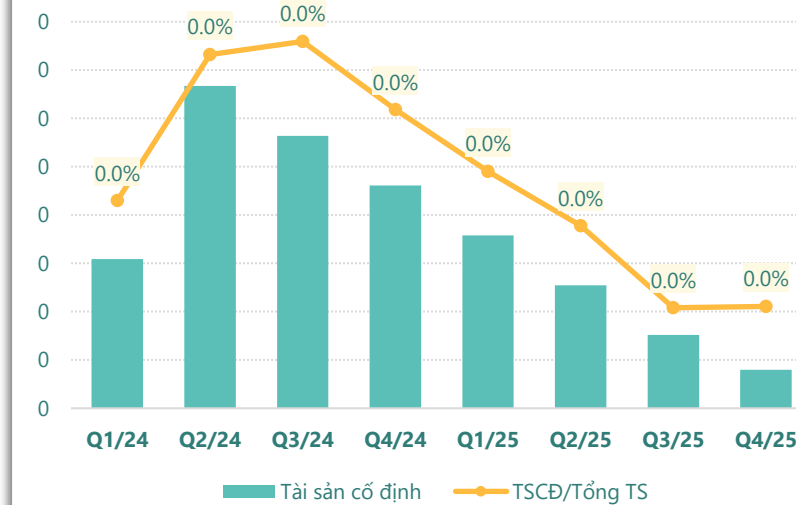
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

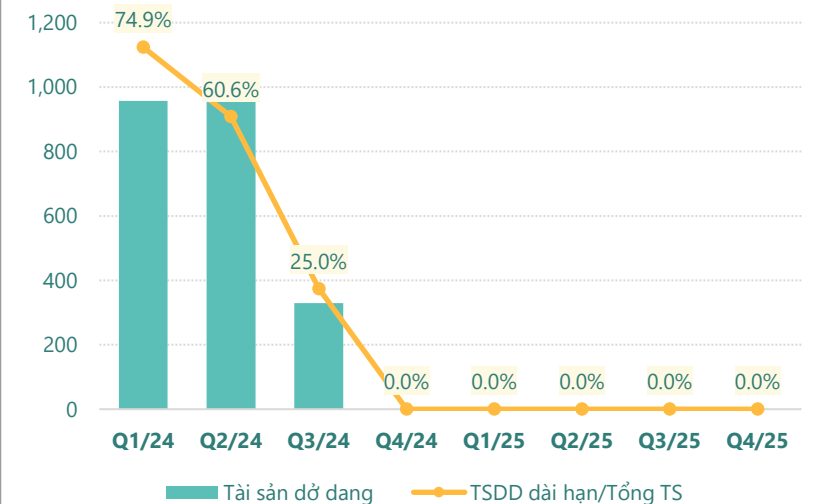
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

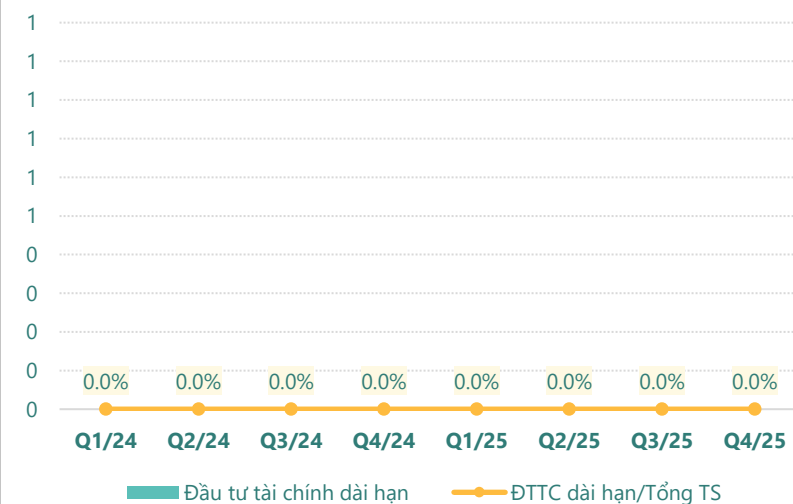
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

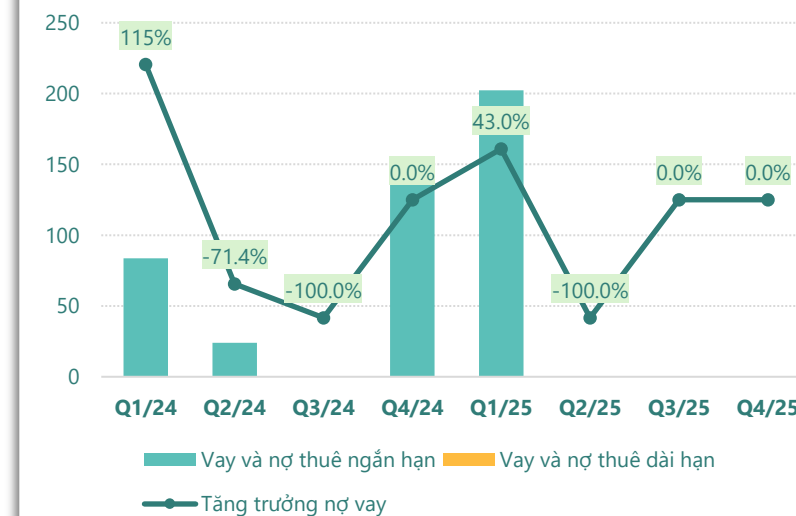
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

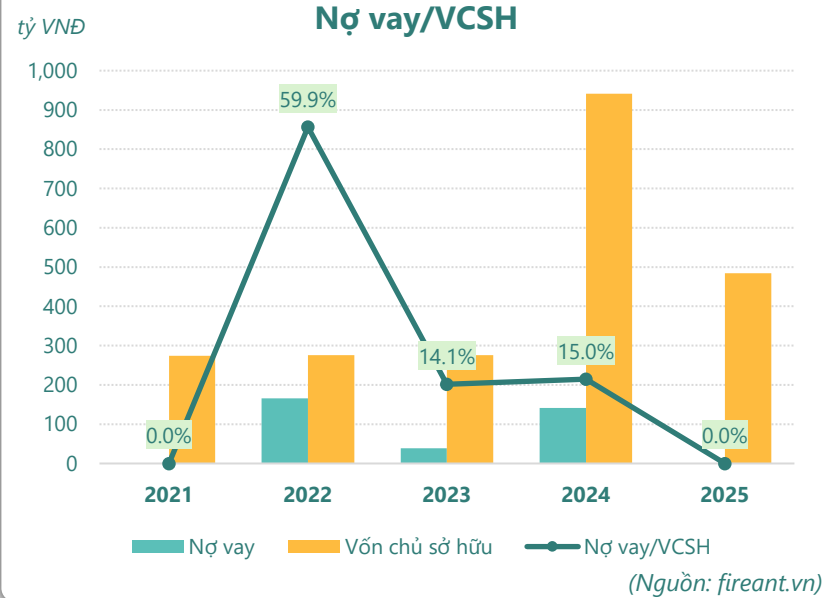
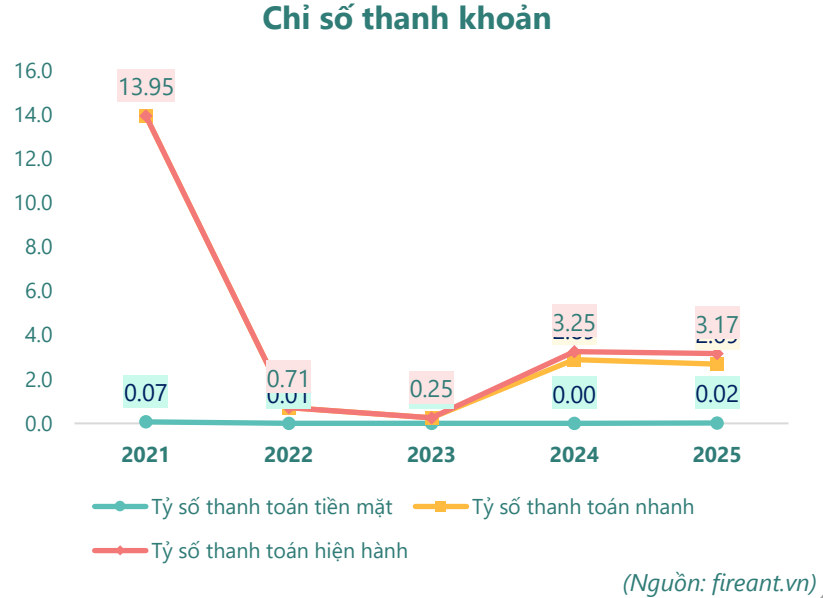
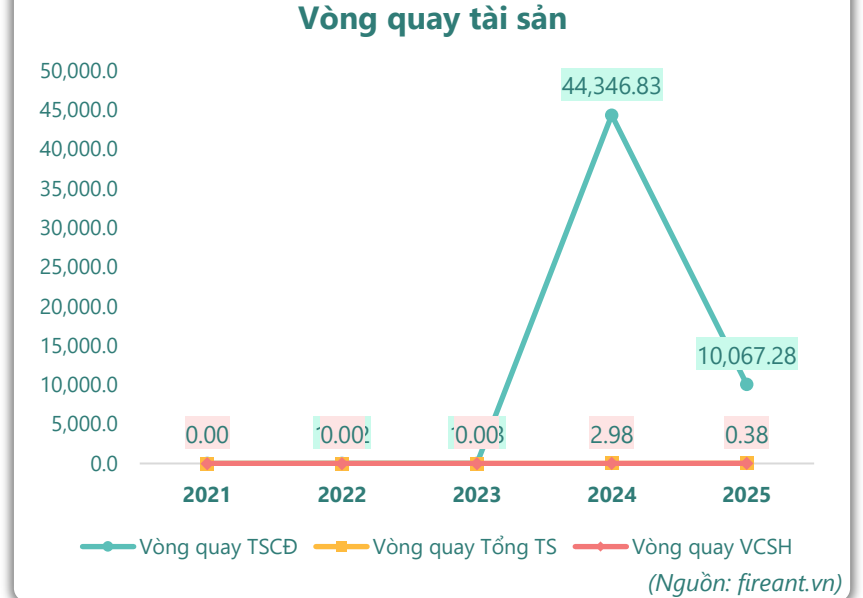
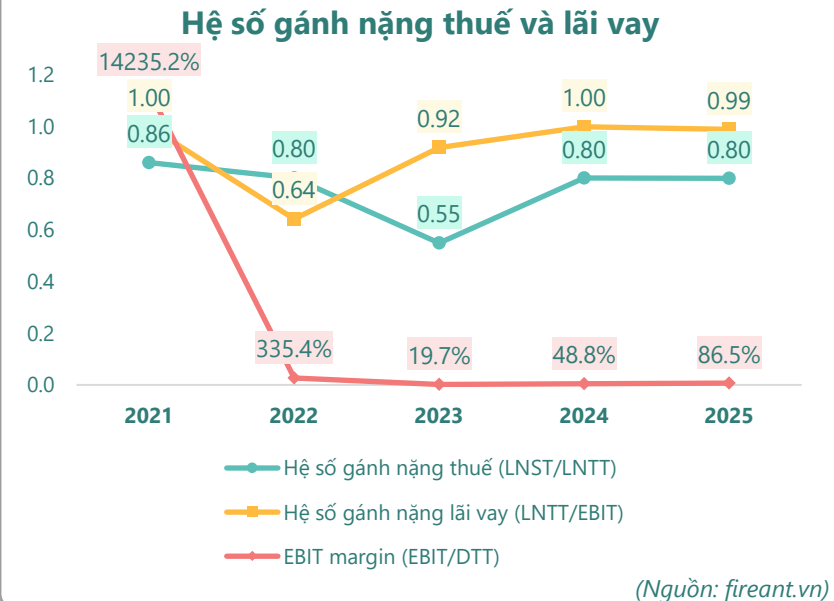
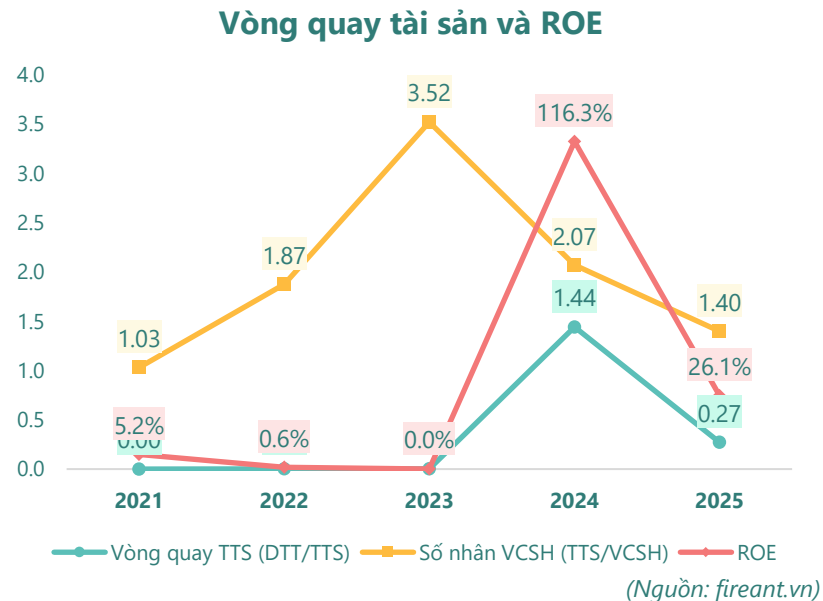
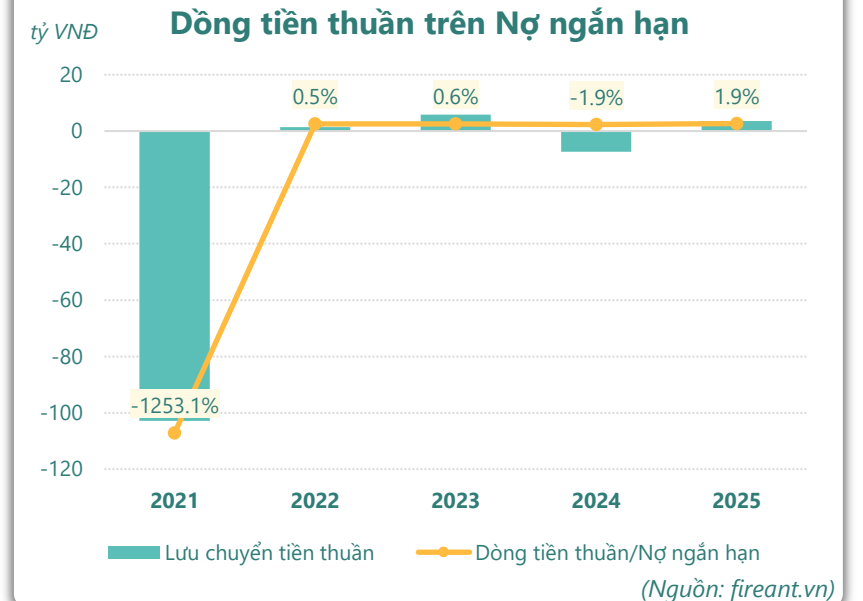
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	250	384	-35.0%	272	1,815	-85.0%
Giá vốn hàng bán	55.9	118	-52.6%	65.6	799	-91.8%
Lợi nhuận gộp	194	266	-27.2%	206	1,015	-79.7%
Doanh thu HĐTC	10.6	11.5	-7.6%	45.8	26.2	74.7%
Chi phí TC	0.02	1.21	-98.4%	3.87	5.15	-24.9%
Chi phí lãi vay	0	1.21	-100%	2.71	0.81	235%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	9.98	3.41	193%	10.7	147	-92.8%
Chi phí QLDN	1.48	1.32	11.8%	5.19	4.86	6.8%
LN thuần từ HĐKD	193	272	-29.1%	233	884	-73.7%
Lợi nhuận khác	0.13	0.28	-54.0%	0.07	1.07	-93.3%
LN trước thuế	193	272	-29.1%	233	885	-73.7%
Lợi nhuận sau thuế	154	218	-29.2%	186	708	-73.7%
LNST của CĐ cty mẹ	154	218	-29.2%	186	708	-73.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	380	-58.6	-93.6	103	147	98.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-349	-93.3	33.4	103	-150	518
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-24.0	142	60.9	-202	0	-614
Tiền đầu kỳ	4.12	10.8	0.38	1.04	3.88	0.72
Lưu chuyển tiền thuần	6.71	-10.5	0.65	2.84	-3.15	3.23
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.8	0.38	1.04	3.88	0.72	3.96

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	672	1,324	-49.3%
Tài sản ngắn hạn	590	1,241	-52.5%
Tiền và tương đương tiền	3.96	0.38	939%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	455	980	-53.5%
Phải thu ngắn hạn	42.1	121	-65.2%
Hàng tồn kho	88.4	140	-37.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.05	-64.7%
Tài sản dài hạn	82.2	82.3	-0.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.01	0.05	-82.7%
Bất động sản đầu tư	79.7	81.9	-2.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.44	0.37	560%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	187	382	-51.1%
Nợ ngắn hạn	186	382	-51.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	142	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.95	27.7	-71.3%
Nợ dài hạn	0.92	0.79	16.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	485	941	-48.5%
Vốn chủ sở hữu	485	941	-48.5%
Vốn điều lệ	250	250	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

